UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 03

Thực trạng số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng

TT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng người làm việc được giao năm 2026			Số viên chức có mặt tới tháng 10/2026			Số viên chức chưa tuyển dụng năm 2026			Ghi chú
		Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	
	Tổng	**6.638**	**3.198**	**3.440**	**6.800**	**3.131**	**3.669**	**1.774**	**67**	**1.707**	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng				**633**		633				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
2	Bệnh viện II Lâm Đồng				**467**		467				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
3	Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận				**481**		481				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
4	Bệnh viện Đa khoa khu vực phía Nam				**217**		217				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
5	Bệnh viện Đa khoa khu vực La Gi				**138**		138				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
6	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	**326**	43	283	**188**	43	145	**138**		138	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
7	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Lâm Đồng	**208**	81	127	**98**	81	17	**110**		110	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
8	Bệnh viện Y học cổ truyền Bảo Lộc	**124**	53	71	**78**	53	25	**46**		46	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
9	Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch	**162**	78	84	**106**	78	28	**56**		56	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
10	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lâm Đồng	**93**	47	46	**77**	47	30	**16**		16	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
11	Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng Bình Thuận	**203**	60	143	**90**	60	30	**113**		113	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
12	Bệnh viện Phổi Bình Thuận	**109**	54	55	**81**	54	27	**28**		28	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
13	Bệnh viện Đa khoa Đắk Nông	**413**	145	268	**380**	145	235	**33**		33	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
14	Trung tâm Pháp y tỉnh Lâm Đồng	**33**	33		**30**	30		**3**	3		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
15	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Lâm Đồng	**25**	22	3	**21**	21		**4**	1	3	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
16	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng	**432**	377	55	**373**	373		**59**	4	55	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
17	Trung tâm Kiểm Nghiệm Dược phẩm - Mỹ Phẩm tỉnh Lâm Đồng	**36**	36		**33**	33		**3**	3		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
18	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Lâm Đồng	**23**	23		**23**	23					Đơn vị sự nghiệp công lập

TT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng người làm việc được giao năm 2026			Số viên chức có mặt tới tháng 10/2026			Số viên chức chưa tuyển dụng năm 2026			Ghi chú
		Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	
											do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
19	Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Thuận	**72**	72		**27**	27		**45**	45		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
20	Trung tâm Bảo trợ xã hội Đắk Nông	**24**	24		**23**	23		**1**	1		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
21	Trung tâm Y tế khu vực Đà Lạt	**141**	59	82	**81**	59	22	**60**		60	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
22	Trung tâm Y tế khu vực Lạc Dương	**68**	62	6	**56**	56		**12**	6	6	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
23	Trung tâm Y tế khu vực Đơn Dương	**207**	78	129	**157**	78	79	**50**		50	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
24	Trung tâm Y tế khu vực Đức Trọng	**237**	100	137	**184**	100	84	**53**		53	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
25	Trung tâm Y tế khu vực Lâm Hà	**184**	100	84	**149**	100	49	**35**		35	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
26	Trung tâm Y tế khu vực Đam Rông	**112**	77	35	**87**	77	10	**25**		25	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
27	Trung tâm Y tế khu vực Di Linh	**213**	96	117	**169**	96	73	**44**		44	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
28	Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lâm	**123**	72	51	**87**	72	15	**36**		36	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
29	Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lộc	**82**	42	40	**64**	42	22	**18**		18	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
30	Trung tâm Y tế khu vực Đạ Huoai	**376**	238	138	**263**	238	25	**113**		113	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
31	Trung tâm Y tế khu vực Tuy Phong	**180**	60	120	**134**	60	74	**46**		46	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
32	Trung tâm Y tế khu vực Bắc Bình	**43**	43		**42**	42		**1**	1		Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
33	Trung tâm Y tế khu vực La Gi	**43**	43		**43**	43					Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
34	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Bắc	**285**	91	194	**172**	91	81	**113**		113	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
35	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Tân	**150**	65	85	**103**	65	38	**47**		47	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
36	Trung tâm Y tế khu vực Phan Thiết	**268**	97	171	**149**	97	52	**119**		119	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
37	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Nam	**195**	50	145	**121**	50	71	**74**		74	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
38	Trung tâm Y tế khu vực Tánh Linh	**213**	45	168	**121**	45	76	**92**		92	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
39	Trung tâm Y tế khu vực Đức Linh	**153**	66	87	**72**	66	6	**81**		81	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
40	Trung tâm Y tế Quân dân y Đặc khu Phú Quý	**144**	96	48	**93**	93		**51**	3	48	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên

TT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng người làm việc được giao năm 2026			Số viên chức có mặt tới tháng 10/2026			Số viên chức chưa tuyển dụng năm 2026			Ghi chú
		Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	
41	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	**143**	69	74	**140**	69	71	**3**		3	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
42	Trung tâm Y tế khu vực Krông Nô	**116**	56	60	**112**	56	56	**4**		4	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
43	Trung tâm Y tế khu vực Đắk Mil	**160**	70	90	**157**	70	87	**3**		3	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
44	Trung tâm Y tế khu vực Đắk Song	**125**	53	72	**115**	53	62	**10**		10	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
45	Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong	**96**	77	19	**84**	77	7	**12**		12	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
46	Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp	**219**	81	138	**214**	81	133	**5**		5	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
47	Trung tâm Y tế khu vực Tuy Đức	**79**	64	15	**67**	64	3	**12**		12	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên